

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 345/2025/DS-ST

Ngày: 27/8/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hương

2/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2020/TLST- DS ngày 28 tháng 8 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1352/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1983

Thường trú: số 76/28/3 Đường số G, phường L (trước đây là phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 14D1 Khu dân cư Đ, đường T, phường L (trước đây là phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc K - sinh năm 1986, Luật sư Công ty L1

Địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà S, số D đường U, phường T (trước đây là Phường B, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu vắng mặt)

2/ Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Hạnh P, sinh năm 1980

Thường trú: số A Đường A, Khu phố C, phường T (trước đây là Khu phố I, phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C, xã N (trước đây là xã P, huyện C), Thành phố Hồ Chí Minh

(có đơn yêu cầu vắng mặt)

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Lưu H, sinh năm 1981

Thường trú: số 76/28/3 Đường số G, phường L (trước đây là phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 14D1 Khu dân cư Đ, đường T, phường L (trước đây là phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Có người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1983

Thường trú: số 76/28/3 Đường số G, phường L (trước đây là phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 14D1 Khu dân cư Đ, đường T, phường L (trước đây là phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2020 và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

- Ngày 01/6/2019, ông L đã cho bà P vay số tiền 2.500.000.000 đồng, có ký hợp đồng vay, thời hạn vay từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/01/2020, việc vay tiền không tính tiền lãi. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ thì bà P không trả nợ cho ông L. Ông L đã nhiều lần liên hệ, bà P hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả nợ.

- Ngày 18/6/2019, ông L đã cho bà P vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 18/6/2019 đến ngày 18/7/2019, việc vay tiền không tính tiền lãi. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ thì bà P không trả nợ cho ông L, bà P gia hạn trả nợ nhiều lần và cam kết đến ngày 18/10/2019 trả nợ cho ông L nhưng vẫn không trả.

Sau nhiều lần liên hệ yêu cầu bà P trả nợ thì đến ngày 22/5/2020, bà P đã trả cho ông L số tiền 200.000.000 đồng bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã D, huyện D (cũ), tỉnh Khánh Hòa. Số tiền vay còn lại 3.300.000.000 đồng cho đến nay bà P vẫn chưa thanh toán.

Số tiền cho bà P vay là tài sản chung của vợ chồng ông L và bà H. Do đó, nay ông L yêu cầu bà P trả lại cho vợ chồng ông số tiền đã vay là 3.300.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 22/5/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, số tiền lãi tính từ ngày 22/5/2020 đến ngày 27/8/2025 là $3.300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \times 1923 \text{ ngày} = 1.738.602.740 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi ông L yêu cầu bà P phải trả là 5.038.602.740 đồng.

Bà P đề nghị trả một nửa số tiền gốc và không trả lãi thì ông L không đồng ý do số tiền cho bà P vay thì vợ chồng ông cũng phải đi vay và trả lãi.

Ngày 25/8/2025, ông L có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn cho bị đơn vay tổng số tiền 3.500.000.000 đồng, không lãi suất thông qua 02 hợp đồng vay tiền ngày 01/6/2019 và ngày 18/6/2019, có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay của bà P. Quá hạn nhưng bà P không trả nợ cho nguyên đơn, đến ngày 22/5/2020 bà P mới trả được cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền hiện còn nợ là 3.300.000.000 đồng. Bị đơn cũng có ý kiến xác nhận 02 khoản vay này với nguyên đơn. Xét thấy 02 hợp đồng vay tiền ngày 01/6/2019 và ngày 18/6/2019 giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ quy định tại Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa trả là 3.300.000.000 đồng tính từ ngày 22/5/2020 thay vì tính từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết kỳ hạn vay theo 02 hợp đồng vay tiền (ngày hết hạn là ngày 30/01/2020 và 18/10/2019) là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 25/8/2025, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến

* Bà Huỳnh Thị Hạnh P trình bày trong quá trình tham gia tố tụng:

Bà P xác nhận có vay tiền của ông L theo 02 hợp đồng vay ngày 01/6/2019 và ngày 18/6/2019 với tổng số tiền vay là 3.500.000.000 đồng. Bà đã trả được 200.000.000 đồng, số tiền vay còn lại là 3.300.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả số tiền vay này. Tuy nhiên, bà đang gặp khó khăn, đang bị tạm giam trong vụ án hình sự nên bà đề nghị trả một nửa số tiền gốc và xin không trả lãi. Ngày 26/5/2025, bà P có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

* Ông Nguyễn Thanh L - Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Lưu H trình bày: Bà H thống nhất với ý kiến của ông L đã trình bày ở trên. Ngày 25/8/2025, ông L có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Huỳnh Thị Hạnh P có địa chỉ thường trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Ông Nguyễn Thanh L, bà Huỳnh Thị Hạnh P, bà Nguyễn Thị Lưu H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký các hợp đồng vay tiền sau:

- Ngày 01/6/2019, ông L đã cho bà P vay số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/01/2020, việc vay tiền không tính tiền lãi.

- Ngày 18/6/2019, ông L đã cho bà P vay số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 18/6/2019 đến ngày 18/7/2019, việc vay tiền không tính tiền lãi. Sau ngày 18/7/2019, bà P gia hạn trả nợ nhiều lần, lần cuối gia hạn trả nợ đến ngày 18/10/2019.

Xét hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên tại các hợp đồng cho vay phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Các bên đương sự trình bày thống nhất số tiền cho vay là 3.500.000.000 đồng, bà P mới thanh toán được 200.000.000 đồng vào ngày 22/5/2020. Số tiền còn nợ 3.300.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán.

Xét thấy, khoản vay ngày 01/6/2019 ông L và bà P thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 01/6/2019 đến ngày 30/01/2020; khoản vay ngày 18/6/2019 ông L và bà P thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 18/6/2019 đến ngày 18/7/2019, sau ngày 18/7/2019, bà P gia hạn trả nợ nhiều lần, lần cuối gia hạn trả nợ đến ngày 18/10/2019. Do bà P đã vi phạm thỏa thuận với ông L, không trả nợ đúng hạn nên nay ông L khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán cho vợ chồng ông toàn bộ số tiền còn nợ 3.300.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà P đề nghị được trả một nửa số tiền vay còn nợ nhưng không được ông L đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi:

02 khoản vay ngày 01/6/2019 và ngày 18/6/2019 giữa ông L và bà P đều có thỏa thuận thời hạn vay, không thỏa thuận lãi suất cho vay nên đây là các khoản vay có kỳ hạn và không có lãi.

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Trong trường hợp này, các bên không có thỏa thuận khác.

Bà P đề nghị không trả lãi vay nhưng không được ông L đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Do bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông L có quyền yêu cầu bà P trả khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (10%/năm của số tiền vay). Nay ông L yêu cầu bà P trả lãi với lãi suất 10%/năm

của số tiền vay chưa thanh toán là 3.300.000.000 đồng, tính từ ngày 22/5/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi bà P phải trả từ ngày 22/5/2020 đến ngày 27/8/2025 là:

$3.300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 1923 \text{ ngày} = 1.738.602.740 \text{ đồng}$

Tổng cộng gốc và lãi bà P phải trả là:

$3.300.000.000 \text{ đồng} + 1.738.602.740 \text{ đồng} = 5.038.602.740 \text{ đồng}$

Ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Huỳnh Thị Hạnh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.038.603 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L:

1.1 Buộc bà Huỳnh Thị Hạnh P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Lưu H số tiền còn nợ tính đến hết ngày 27/8/2025 là 5.038.602.740 (năm tỷ không trăm ba mươi tám triệu sáu trăm lẻ hai ngàn bảy trăm bốn mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 3.300.000.000 (ba tỷ ba trăm triệu) đồng và tiền lãi là 1.738.602.740 (một tỷ bảy trăm ba mươi tám triệu sáu trăm lẻ hai ngàn bảy trăm bốn mươi) đồng.

1.2 Kể từ khi ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Lưu H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị Hạnh P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ như trên thì hằng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Hạnh P phải nộp 113.038.603 (một trăm mười ba triệu không trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm lẻ ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh L số tiền tạm ứng án phí 54.412.500 (năm mươi bốn triệu bốn trăm mười hai ngàn năm trăm) đồng ông Nguyễn Thanh L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0057657 ngày 28/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Thủy

